

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26-02-2026.

(V/v: *Ly hôn, nuôi con chung*).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - LÂM ĐỒNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Chánh Ngôn.

- Ông Hoàng Văn Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11- Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát khu vực 11 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Viết Diệu Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 04/2026/TLST-HNGĐ ngày 06/01/2026 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/02/2026 giữa:

* **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị X, sinh năm 1999.

Nơi cư trú: Thôn C, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

* **Bị đơn:** Ông Phan Văn S, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Lê Thị X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Văn S tự nguyện tìm hiểu, chung sống vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (cũ) nay là xã H, tỉnh Lâm Đồng, vào ngày 29/3/2018.

Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, về vấn đề tiền bạc, ông S thường xuyên ăn nhậu nên vợ chồng thường vã nhau. Từ cuối năm 2019 do không thể tiếp tục sống

chung nên ông bà sống ly thân nhau, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc gì tới nhau từ đó cho tới nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Văn S.

- Về con chung: Bà X khai có 01 con chung tên: Phan Văn T (nam), sinh ngày 31/3/2018. Sau khi ly hôn bà X có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa; bà X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trước đây.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/02/2026, bị đơn ông Phan Văn S trình bày: Ông và bà X tự nguyện tìm hiểu, chung sống, có đăng ký có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (cũ) nay là xã H, tỉnh Lâm Đồng, vào năm 2018.

Quá trình chung sống được một năm thì phát sinh mâu thuẫn nên tình cảm vợ chồng rạn nứt; từ cuối năm 2019 cho đến nay thì vợ chồng mạnh ai nấy sống. Nay bà X làm đơn xin ly hôn thì ông đồng ý.

- Về con chung: Ông S khai có 01 con chung tên: Phan Văn T (nam), sinh ngày 31/3/2018. Sau khi ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa bị đơn ông Phan Văn S vắng mặt; Tòa án nhân dân khu vực 11 - Lâm Đồng cũng đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông S: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông S làm đơn xin xét xử vắng mặt ngày 03/02/2026.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Tại phiên tòa hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tiến hành các trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật và chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát thấy rằng tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã thể hiện hôn nhân của bà Lê Thị X và ông Phan Văn S là hợp pháp, ông bà tự nguyện chung sống vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận vào ngày 29 tháng 3 năm 2018 (nay là xã H, tỉnh Lâm Đồng). Quá trình giải quyết vụ án bà X, ông S thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân có xảy ra mâu thuẫn do cách sống không hợp nhau, tính tình không hợp, vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng nhau dẫn đến vợ chồng không thấu hiểu, chia sẻ cho nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã hòa giải nhưng bà X, ông S không muốn hòa giải đoàn tụ, ông bà trình bày vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được với nhau. Từ cuối năm 2019 cho đến nay vợ chồng sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Như vậy chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: bà Lê Thị X được ly hôn với ông Phan Văn S.

Về con chung: Ông bà khai Phan Văn T (nam), sinh ngày 31/3/2018. Sau khi ly hôn ông bà thỏa thuận giao con chung cho bà X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Bà X không yêu cầu ông S cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên đề nghị công nhận sự thỏa thuận này.

Về tài sản chung: Do bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông S không có đơn yêu cầu về phần tài sản chung nên Viện kiểm sát không có ý kiến.

Về nợ chung: Ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không có ý kiến.

Về án phí: Bà X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị X có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn. Bị đơn là ông Phan Văn S hiện cư trú tại xã T, tỉnh Lâm Đồng. Theo quy định

tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: bị đơn ông Phan Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà Lê Thị X và ông Phan Văn S là hợp pháp, ông bà tự nguyện chung sống vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận vào ngày 29 tháng 3 năm 2018 (nay là xã H, tỉnh Lâm Đồng).

Quá trình giải quyết vụ án bà X, ông S thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân có xảy ra mâu thuẫn do cách sống không hợp nhau, tính tình không hợp, vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng nhau dẫn đến vợ chồng không thấu hiểu, chia sẻ cho nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã hòa giải nhưng bà X, ông S không muốn hòa giải đoàn tụ, ông bà trình bày vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được với nhau. Từ cuối năm 2019 cho đến nay vợ chồng sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Như vậy chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: bà Lê Thị X được ly hôn với ông Phan Văn S.

[4] Về con chung: Bà X, ông S khai 01 con chung tên Phan Văn T (nam), sinh ngày 31/3/2018. Sau khi ly hôn, ông bà thỏa thuận giao con chung bà X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự: giao con chung Phan Văn T cho bà X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông S, bà X có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về mức cấp dưỡng và phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà X không yêu cầu ông S cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung: Ông S, bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về phần nợ chung: Ông S, bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Căn cứ: Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị X được ly hôn ông Phan Văn S.

- Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Phan Văn T (nam), sinh ngày 31/3/2018 cho bà X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông S, bà X có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về mức cấp dưỡng và phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà X không yêu cầu ông S cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Việc thay đổi người nuôi con được thực hiện theo Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

- Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 29/12/2025, bà X đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng thu theo biên lai số 0011566; nay chuyển 300.000 đồng trên sang án phí và sung công quỹ nhà nước. Bà X đã nộp đủ tiền án phí.

- Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực II;
- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Hàm Kiệm, tỉnh Lâm Đồng;
- Thị hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa****Phan Thị Thái**